

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHÍNH THÀNH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHÍNH THÀNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CHINH THANH CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CHINH THANH., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0106927179

3. Ngày thành lập: 06/08/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 36 lô 6, khu đất dịch vụ Mỗ Lao, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
2.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
3.	Trồng lúa	0111
4.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
5.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
6.	Trồng cây mía	0114
7.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
8.	Trồng cây lấy sợi	0116
9.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
10.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
11.	Trồng cây hàng năm khác	0119
12.	Trồng cây ăn quả	0121
13.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
14.	Trồng cây điều	0123
15.	Trồng cây hồ tiêu	0124
16.	Trồng cây cao su	0125
17.	Trồng cây cà phê	0126
18.	Trồng cây chè	0127
19.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
20.	Trồng cây lâu năm khác	0129

21.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
22.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
23.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
24.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
25.	Chăn nuôi lợn	0145
26.	Chăn nuôi gia cầm	0146
27.	Chăn nuôi khác	0149
28.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
29.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
30.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
31.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
32.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
33.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
34.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
35.	Khai thác gỗ	0221
36.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
37.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
38.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
39.	Khai thác thủy sản biển	0311
40.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
41.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
42.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
43.	Sản xuất giống thủy sản	0323
44.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
45.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
46.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
47.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
48.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
49.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
50.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
51.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
52.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
53.	Sản xuất đường	1072
54.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
55.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
56.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
57.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
58.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080

59.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ loại cấm)	4662
60.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
61.	Bán buôn tổng hợp	4690
62.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
63.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
64.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
65.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
66.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
67.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
68.	Xây dựng công trình công ích	4220
69.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
70.	Phá dỡ	4311
71.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
72.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
73.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
74.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
75.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
76.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
77.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
78.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
79.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
80.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
81.	Đại lý, môi giới, đấu giá chi tiết: Đại lý	4610
82.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

83.	Bán buôn gạo	4631
84.	Bán buôn thực phẩm	4632
85.	Bán buôn đồ uống	4633
86.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
87.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
88.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
89.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
90.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
91.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) chi tiết: Vận tải hành khách bằng tàu điện ngầm Vận tải hành khách bằng xe taxi Vận tải hành khách bằng xe lam, xe lôi, xe máy Vận tải hành khách bằng xe đạp, xe xích lô và xe thô sơ khác	4931
92.	Vận tải hành khách đường bộ khác chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải hành khách du lịch bằng xe ô tô	4932
93.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

94.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).	8299
95.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm kinh doanh bất động sản)	7020
96.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện: Công trình xây dựng giao thông (cầu, đường bộ); Công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp Thiết kế kiến trúc quy hoạch xây dựng Thiết kế kiến trúc công trình Thiết kế nội ngoại thất công trình Thiết kế công trình giao thông Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy công trình xây dựng Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp Khảo sát địa hình Khảo sát địa chất công trình xây dựng Lập tổng dự toán và dự toán công trình xây dựng Lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Lập và thẩm tra các dự án đầu tư xây dựng công trình Tư vấn, lập hồ sơ mời thầu, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu Dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường Dịch vụ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Tư vấn dịch vụ hợp chuẩn trong xây dựng ứng dụng các công nghệ vào bảo vệ môi trường	7110(Chính)
97.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Trang trí nội thất;	7410
98.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
99.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu	8219

6. Vốn điều lệ: 4.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	Thôn Thượng, Xã Bình Minh, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	240.000	2.400.000.000	60	017468802	
			Tổng số	240.000	2.400.000.000	60		
2	NGUYỄN ĐÌNH MẠNH	41/22 Ngõ Từ, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	1.200.000.000	30	171604774	
			Tổng số	120.000	1.200.000.000	30		
3	NGUYỄN THỊ MAI THUY	thôn Mỹ Liệt, Xã Lưu Kiếm, Huyện Thuỷ Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	10	031791547	
			Tổng số	40.000	400.000.000	10		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 14/08/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 017468802

Ngày cấp: 17/03/2014

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Thôn Thượng, Xã Bình Minh, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

36 lô 6, khu đất dịch vụ Mỗ Lao, Phường Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

